

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học; Chuyên ngành: Tâm lý học lâm sàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Văn Công

2. Ngày tháng năm sinh: 22/10/1983; Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Giao Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 73 ngõ 6, Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Phòng 202, Nhà G2, khu 7.2ha phường Vĩnh Phúc quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: (+84) 978 205 905

E-mail: congtrv@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2007 đến năm 2008: Cán bộ nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Từ năm 2008 đến nay: Thành viên và giảng viên chương trình Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Từ tháng 09/2017 – 02/2018: Học giả của chương trình giao lưu học thuật quốc tế của Quỹ giáo dục cao học Hàn Quốc (KFAS), Trường Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc.
- Từ năm 2014 đến nay: Giảng viên Khoa Các Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Từ năm 2018 đến năm 2019: Phó trưởng phòng Khoa học và Hợp tác phát triển, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Từ năm 2020 đến nay: Phó chủ nhiệm Khoa Các Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Khoa Các Khoa học Giáo dục

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng, Phó chủ nhiệm Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Phòng 609 nhà C0, Trường Đại học Giáo dục, KTX Mễ Trì, 182 Lương Thế Vinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0247.3017.123

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: QC 039745; ngành: Tâm lý học, chuyên ngành: Tâm lý học lâm sàng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 05 năm 2010; số văn bằng: 000401/CNVB-ThS ngày 14 tháng 8 năm 2017 (lấy theo số công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo); chuyên ngành: Tâm lý lâm sàng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Vanderbilt, bang Tennessee, Hoa Kỳ.

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 12 năm 2013; số văn bằng: 000402/CNVB-TS ngày 14 tháng 8 năm 2017 (lấy theo số công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo); chuyên ngành: Tâm lý lâm sàng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Vanderbilt, bang Tennessee, Hoa Kỳ.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Tâm lý học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Hướng nghiên cứu 1 - Các rối loạn phát triển thần kinh*: bao gồm rối loạn phổ tự kỷ, rối loạn tăng động giảm chú ý, khuyết tật trí tuệ, rối loạn học tập đặc hiệu, v.v. Nghiên cứu tập trung vào thực trạng đánh giá, chẩn đoán, tình hình chăm sóc, can thiệp giáo dục; tiêu chuẩn người cán bộ và cơ sở can thiệp; đặc điểm tâm lý của gia đình người có rối loạn phát triển; các đặc điểm tâm lý – xã hội của người có rối loạn phát triển.

- *Hướng nghiên cứu 2 - Bất nạt, bạo lực truyền thống và trực tuyến*: tập trung vào việc tìm hiểu thực trạng, tỉ lệ, các hình thức, nguyên nhân, hệ quả và các yếu tố liên quan; xây dựng công cụ đo lường, xác định các khái niệm liên quan và thiết kế, xây dựng chương trình phòng ngừa và can thiệp.

- *Hướng nghiên cứu 3 - Các vấn đề về tâm lý và tham vấn học đường*: tập trung vào các đặc điểm tâm lý của học sinh và giáo viên trong nhà trường; đánh giá khó khăn tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh; tiếp cận ứng dụng công nghệ vào hỗ trợ tâm lý cho trường học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 20 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên (số lượng): 05 đề tài cấp trường Đại học Giáo dục, cấp Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong đó, chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường ĐHQGHN và 01 đề tài cấp ĐHQGHN; tham gia 01 đề tài cấp Trường ĐHQGHN, 01 đề tài cấp ĐHQGHN.

- Đã công bố (số lượng) 92 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (bao gồm 03 bài báo quốc tế là tác giả chính); 36 bài báo trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; và 50 báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế.

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 11, trong đó cả 11 thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó: có 02 cuốn sách chuyên khảo (02: chủ biên); 04 cuốn hướng dẫn (03: đồng chủ biên, 01: đồng tác giả), 03 cuốn giáo trình (01: đồng chủ biên, 02: tham gia chương sách) và 02 cuốn tham khảo (02: đồng tác giả).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

1. Giải thưởng Tài năng trẻ Tâm lý học – Giáo dục học được trao bởi Quỹ tài năng trẻ Tâm lý học – Giáo dục học, Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam, năm 2014 (Quyết định ngày 05/6/2014).
2. Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Giáo dục năm học 2014 - 2015.
3. Danh hiệu “Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN” năm 2015 (công văn số 4806/QĐ-ĐHQGHN ngày 07/12/2015).
4. Bằng khen của Thành Đoàn TP. HCM cho giảng viên có thành tích hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhì giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ 18, năm 2016.
5. Danh hiệu “Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN” năm 2016 (công văn số 3887/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/12/2016)
6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2016-2017”, trường Đại học Giáo dục, năm 2017
7. Danh hiệu “Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp cơ sở năm 2017”, trường Đại học Giáo dục, năm 2017 (công văn số 1662/QĐ-ĐHGD ngày 22/11/2017)
8. Giấy khen cho giảng viên có thành tích hướng dẫn sinh viên đạt giải nhất nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Đại học Quốc gia Hà Nội được trao bởi Trường Đại học Giáo dục, năm 2018.
9. Giấy khen Cán bộ “Ba trách nhiệm” năm học 2017-2018 được trao bởi Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2018.
10. Bằng khen của Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam, năm 2019.
11. Giải thưởng đa văn hóa tài trợ cho nhà nghiên cứu ở các nước đang phát triển dự hội thảo của Hiệp hội tự kỷ thế giới tại Mỹ được trao bởi Hiệp hội tự kỷ thế giới tại Mỹ, 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt tiêu chuẩn

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	01	05	210	108	318/0/280
2	2015-2016	0	0	01	04	146	160	306/35/216
3	2016-2017	0	0	03	08	60	243	303/210/216
4	2017-2018	0	01	04	03	0	573	573/310/216

03 năm học cuối								
5	2018-2019	0	0	03	04	67.5	425.5	493/175/81
6	2019-2020	0	0	01	04	202.5	384	586.5/78/202.5
7	2020-2021	0	01	03	0	273	270	543/188/160

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Mỹ năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL iBT

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Sareth Khann	x			x	2017-2020	Trường Đại học Giáo dục	2021
2	Nguyễn Thị Hoài Phương		x	x		2019-2021	Trường Đại học Giáo dục	2021

3	Ngô Thuỳ Dung		x	x		2019-2021	Trường Đại học Giáo dục	2021
4	Đặng Thị Diệu			x		2019-2021	Trường Đại học Giáo dục	2021
5	Nguyễn Thị Kiều Anh		x	x		2018-2019	Trường Đại học Giáo dục	2019
6	Trần Thị Thu Anh		x	x		2017-2018	Trường Đại học Giáo dục	2018
7	Võ Thị Kim Mai		x	x		2017-2018	Trường Đại học Giáo dục	2019
8	Nguyễn Phương Hồng Ngọc		x		x	2017-2018	Trường Đại học Giáo dục	2019
9	Dương Thị Hoài		x	x		2016-2017	Trường Đại học Giáo dục	2017
10	Hoàng Dương		x	x		2016-2017	Trường Đại học Giáo dục	2017
11	Nguyễn Thị Bích Hạnh		x	x		2016-2017	Trường Đại học Giáo dục	2017
12	Nguyễn Hương Mai		x		x	2015-2016	Trường Đại học Giáo dục	2016
13	Nguyễn Thị Sơn		x	x		2015-2016	Trường Đại học Giáo dục	2016
14	Vũ Thị Oanh		x	x		2015-2016	Trường Đại học Giáo dục	2016
15	Giản Thị Xuyên		x	x		2015-2016	Trường Đại học KHXH và NV	2016
16	Vũ Thị Thu Hiền		x		x	2014-2015	Trường Đại học Giáo dục	2015
17	Trịnh Thanh Hương		x		x	2013-2014	Trường Đại học Giáo dục	2014
18	Vũ Văn Thuận		x		x	2012-2013	Trường Đại học Giáo dục	2013
19	Trương Văn Lợi		x		x	2012-2013	Trường Đại học Giáo dục	2013
20	Nguyễn Thị Diệu Anh		x		x	2011-2012	Trường Đại học Giáo dục	2012
21	Trần Thùy Linh		x		x	2011-2012	Trường Đại học Giáo dục	2012

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	The Healthy Bodies Toolkit	HD	Vanderbilt Kenedy Center (2013)	8		8-11	Giấy xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Giáo dục, ngày 16/7/2021
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Công tác xã hội cá nhân và nhóm	GT	NXB Lao động – Xã hội (2017)	2	x	25-121 và 170 - 215	Giấy xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Giáo dục, ngày 16/7/2021
3	Giáo dục hòa nhập cho trẻ tăng động giảm chú ý	HD	NXB Giáo dục Việt Nam (2018)	2	x	9-25 và các phần phụ lục đi kèm	
4	Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỉ tại Việt Nam (Tài liệu dành cho cán bộ và kỹ thuật viên can thiệp)	TK	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2019)	9		13-54	
5	Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỉ tại Việt Nam (Tài liệu dành cho phụ huynh và người nuôi dưỡng)	TK	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2019)	9		11-41	
6	Bắt nạt trực tuyến ở thanh thiếu niên: Thực trạng và giải pháp phòng	CK	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2020)	1	x		

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	ngừa – can thiệp						
7	Đào tạo kỹ năng xã hội cho trẻ rối loạn phát triển	HD	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2020)	2	x	15-80	
8	Tiêu chuẩn hoạt động của các cơ sở can thiệp trẻ có rối loạn phổ tự kỷ	CK	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2020)	4	x	9-68 và 83-125 và 153-266	
9	Hướng dẫn Chơi cùng con	HD	Nhà xuất bản ĐHQGHN (2021)	3	x	3-15	
10	Research Methods in School Psychology (Introduction to School Psychology in Viet Nam)	GT	Vietnam National University Press, Ha Noi (2020)	3		148-183	
11	Smart Schedule: Training Management Approach in the Digital Education Era (Digital Education for the 21st Century)	GT	Apple Academic Press (2021)	3		283-306	

Trong đó: 02 (số 6 và số 8) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Xây dựng tiêu chuẩn cho các cơ sở can thiệp trẻ tự kỷ (ĐT)	CN	QG.17.51/Đại học Quốc gia Hà Nội	2017-2020	8/3/2020 (Xếp loại Tốt)
2	Xây dựng phần mềm điện thoại đánh giá xu hướng nghề nghiệp (ĐT)	CN	QS.17.04/Trường Đại học Giáo dục	2017-2019	22/08/2019 (Xếp loại Tốt)
3	Xây dựng tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo chuẩn quốc tế (ĐT)	TK	QG.17.52/Đại học Quốc gia Hà Nội	2017-2019	24/03/2020 (Xếp loại Tốt)
4	Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho chương trình cử nhân tham vấn học đường (ĐT)	TK	QS.17.11/Trường Đại học Giáo dục	2017-2018	06/6/2018 (Xếp loại Tốt)
5	Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo cho giáo viên can thiệp cho trẻ tự kỷ (ĐT)	CN	QS.14.04/Trường Đại học Giáo dục	2014-2015	30/12/2015 (Xếp loại Tốt)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.	Bị bắt nạt bởi bạn cùng lứa và mối liên hệ với nhận thức bản thân, trầm cảm ở học sinh phổ thông	3	x	Tạp chí Tâm lý học		5	128, 50-59	2009
2.	Quy trình nghiên cứu trong tâm lý học ảnh hưởng tới kết quả nghiên cứu như thế nào?	1	x	Tạp chí Tâm lý học			121, 36-42	2009
3.	Một số đặc điểm nhân cách sinh viên học các ngành học khác nhau (nghiên cứu qua trắc nghiệm NEO PI-R)	2		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội Nhân văn		2	26, 198-202	2010
4.	Thực trạng chẩn đoán trẻ tự kỷ hiện nay	2	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn			27, 1-8	2011
5.	Development of clinical psychology and mental health resources in Vietnam. DOI: 10.1007/s12646-011-0078-x	11		Psychological Studies (Link xếp hạng: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=13972&tip=sid&clean=0)	ISI (IF: 0.73; Q3)	15	56, 185-191	2011
6.	A Model for Sustainable Development of Child Mental Health Infrastructure in the LMIC World: Vietnam as a Case Example. DOI: 10.1037/a0027316	9		International Perspectives in Psychology: Research, Practice, Consultation (Link xếp hạng: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100824968&tip=sid&clean=0)	Scopus (IF: 1.4; Q2)	34	1, 63-77	2012
7.	Testing reciprocal	3	x	Journal of Clinical	ISI,	73	41(3),	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	longitudinal relations between peer victimization and depressive symptoms in young adolescents. DOI: 10.1080/15374416.2012.662674			Child and Adolescent Psychology (Link xếp hạng: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=15406&tip=sid&clean=0)	Scopus (IF: 4.97; Q1)		353-360	
II	Sau khi được công nhận TS							
8.	Does supportive parenting mitigate the longitudinal effects of peer victimization on depressive thoughts and symptoms in children? DOI: 10.1037/a0032501	11		Journal of Abnormal Psychology (Link xếp hạng: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=15370&tip=sid&clean=0)	ISI, Scopus (IF: 7.99; Q1)	84	122(2), 406-419	5/2013
9.	Xây dựng thang đo nạn nhân bắt nạt cho trẻ em Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”/ ISBN: 978-604-73-2638-9.		0	228-247	2014
10.	Nhận thức sai của sinh viên năm cuối các ngành chăm sóc sức khỏe tâm thần về rối loạn phổ tự kỷ	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”/ ISBN: 978-604-73-2638-9			159-175	2014
11.	Thái độ của giáo viên mầm non trên địa bàn Hà Nội về rối loạn phổ tự kỷ	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”/ ISBN: 978-604-73-2638-9			486-496	2014
12.	Thực trạng các dịch vụ xã hội cho trẻ tự kỷ trên địa bàn Hà Nội	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Thực tiễn và hội nhập trong phát triển công tác xã hội ở Việt Nam/ ISBN: 978-604-64-1560-2			139-149	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13.	Thực trạng các dịch vụ công tác xã hội tại các trung tâm bảo trợ xã hội Việt Nam	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Thực tiễn và hội nhập trong phát triển công tác xã hội ở Việt Nam”/ ISBN: 978-604-64-1560-2			443-452	2014
14.	Những cập nhật trong nghiên cứu và phân loại rối loạn học tập theo DSM-V so sánh với DSM-IV	1	x	Kỷ yếu hội thảo “Nhận biết, đánh giá và can thiệp trẻ có khuyết tật học tập”, Viện Khoa học giáo dục/ ISBN: 978-604-73-2945-8			55-60	2014
15.	Early identification and intervention services for children with autism in Vietnam. DOI: 10.5114/hpr.2015.53125	7	x	Health Psychology Report (Link xếp hạng: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100938864&tip=sid&clean=0) (được đưa vào Scopus từ năm 2019)	ISI, Scopus (IF: 1.22; Q3)	17	3(3)	2015
16.	Nghiên cứu về mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phát triển trong trường mầm non	5		Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội/ ISSN 0868-3719			60 (6BC), 64-74	2015
17.	Xây dựng thang đo bất nạt trực tuyến cho học sinh Việt Nam	4	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học sư phạm toàn quốc lần thứ V/ ISBN: 978-604-0-07475-1			537-548	2015
18.	Chiến lược ứng phó của học sinh với bất nạt trực tuyến	4	X	Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục/ ISSN 0866-8612.		2	31, 3, 11-24	2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19.	Thực trạng chính sách an sinh xã hội cho trẻ em mồ côi đang sống tại các trung tâm bảo trợ xã hội	5		Hội thảo Quốc tế “Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hóa các dịch vụ CTXH”/ ISBN 978-604-73-3841-2.			327-334	01/2016
20.	Thực trạng hành vi gây hấn ở học sinh trung học cơ sở	3	x	Kỷ yếu hội thảo Phòng chống bạo lực học đường trong bối cảnh hiện nay-Thực trạng và giải pháp/ ISBN: 978-604-62-5842-1		0	326-334	2016
21.	Thực trạng năng lực của giáo viên can thiệp dựa trên thực chứng cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội	5	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 2354-0753			Số đặc biệt kì 2 tháng 6/2016, 55-57	6/2016
22.	Nhận thức của giáo viên phổ thông về giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn tăng động giảm chú ý	4	x	Tạp chí Khoa học và Giáo dục/ ISSN 1859-4603			19 (02), 93-99	2016
23.	Bằng chứng khoa học về hiệu quả của trị liệu hoạt động cho rối loạn phổ tự kỷ	1	x	Tạp chí Giáo dục/ ISSN 2354-0753			Số đặc biệt tháng 9/2016, 26-29	9/2016
24.	Thực trạng sử dụng trị liệu tại các cơ sở can thiệp cho trẻ rối loạn phát triển	3		Tạp chí Giáo dục/ ISSN 2354-0753			Số đặc biệt tháng 9/2016, 6-10	9/2016
25.	Thái độ của phụ huynh trước việc con bị bắt nạt	2	x	Kỷ yếu hội thảo Phòng chống bạo lực			273-279	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				học đường trong bối cảnh hiện nay-Thực trạng và giải pháp/ ISBN: 978-604-62-5842-1				
26.	Chiến lược ứng phó của học sinh trung học phổ thông khi bị bắt nạt	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 5 – Phát triển tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam/ ISBN: 978-604-80-1967-9			673-680	2016
27.	Xây dựng thang đo năng lực tự kiểm soát cho học sinh trung học cơ sở tại Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tâm lý học học đường lần thứ 5 – Phát triển tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam/ ISBN: 978-604-80-1967-9		0	358-370	2016
28.	Hậu quả của bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Sang chấn tâm lý và các hoạt động trợ giúp/ ISBN: 978-604-62-6694-5		0	51-63	2016
29.	Giáo dục hòa nhập cho trẻ rối loạn phát triển: cơ sở khoa học, tổ chức, mô hình trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	1	x	Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc: Tâm lý học – giáo dục học với việc thực hiện Nghị Quyết 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam/ ISBN: 978-604-62-6848-2			414-424	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
30.	Giáo dục Israel: Thúc đẩy sáng tạo	3	x	Tạp chí khoa học, Việt Nam học/ ISSN: 0866-8612			32, 1S, 125-137	2016
31.	Tổng quan nghiên cứu về phương pháp điều trị, can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ	2		Tạp chí Khoa học Giáo dục/ ISSN: 0868-3662			Số đặc biệt tháng 11-2016, 26-31	2016
32.	Thực trạng tìm kiếm các loại hình điều trị của gia đình dành cho trẻ em có rối loạn tâm thần tại tỉnh Yên Bái	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học: Công tác xã hội với thanh thiếu nhi ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập và phát triển/ ISBN: 978-604-64-6146-3			313-321	2016
33.	Đào tạo và tiêu chuẩn hành nghề của nhân viên công tác xã hội lâm sàng trên thế giới và một số đề xuất cho việc đào tạo công tác xã hội ở Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Công tác xã hội với thanh thiếu nhi ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập và phát triển/ ISBN: 978-604-64-6146-3			117-128	2016
34.	Mối quan hệ giữa khả năng tự kiểm soát và tính gây hấn học sinh trung học cơ sở	3	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục/ ISSN 0866-8612			33, 1, 1-9	2017
35.	Thực trạng lựa chọn phương pháp điều trị của phụ huynh cho con có rối loạn phổ tự kỉ	2		Tạp chí Khoa học và Giáo dục, ĐH Sư phạm Đà Nẵng/ISSN: 1859 - 4603			22(01), 109-116	2017
36.	Mô hình can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ dựa trên cộng đồng: Tổ chức thực hiện và những kết quả ban đầu	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Ứng dụng tâm lý học, giáo dục học và can thiệp rối loạn phát triển”/ ISBN:			324-334	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				978-604-77-3372-9				
37.	Hiểu biết của phụ huynh về các rối loạn phát triển ở trẻ em	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Ứng dụng tâm lý học, giáo dục học và can thiệp rối loạn phát triển”/ ISBN: 978-604-77-3372-9			242-248	2017
38.	Thực trạng sử dụng các kỹ thuật cao thiệp dựa trên thực chứng cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ	1	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Ứng dụng tâm lý học, giáo dục học và can thiệp rối loạn phát triển”/ ISBN: 978-604-77-3372-9			215-225	2017
39.	Tổng quan một số chương trình đào tạo liên quan đến rối loạn phổ tự kỷ trên thế giới và đề xuất phát triển các chương trình đào tạo ở Việt Nam	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Ứng dụng tâm lý học, giáo dục học và can thiệp rối loạn phát triển”/ ISBN: 978-604-77-3372-9			28-38	2017
40.	Tỉ lệ trẻ rối loạn phổ tự kỷ: Những con số thống kê	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học Giáo dục/ISSN 2354-1075			62, 9AB, 322-330	2017
41.	Hiểu biết chung của cộng đồng về rối loạn phổ tự kỷ	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học Giáo dục/ISSN 2354-1075			62, 9AB, 346-354	2017
42.	Tiêu chuẩn hoạt động của các cơ sở can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ - nghiên cứu so sánh quốc tế và đề xuất cho Việt Nam	5		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học Giáo dục/ISSN 2354-1075			62, 9AB, 379-388	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
43.	Các lí thuyết tâm lí giải thích rối loạn phổ tự kỷ và hướng vận dụng trong can thiệp	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học Giáo dục/ISSN 2354-1075			62, 9AB, 103-112	2017
44.	Thực trạng bắt nạt ở học sinh Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn			3, 4, 465-479	2017
45.	Mối quan hệ giữa chứng sợ thiếu điện thoại ở học sinh trung học phổ thông với sự gắn kết trong gia đình	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần thứ 2 “Tâm lý học, giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình”/ ISBN: 978-604-80-2663-9			287-295	2017
46.	Nhu cầu của học sinh trung học phổ thông về giáo dục an toàn mạng internet và một số giải pháp cho gia đình và nhà trường	5	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần thứ 2 “Tâm lý học, giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình”/ ISBN: 978-604-80-2663-9			199-210	2017
47.	Ứng dụng của công nghệ thực tế ảo trong đào tạo kỹ năng cho người rối loạn phổ tự kỷ	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Chương trình dạy kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non có rối loạn phổ tự kỷ - bài học kinh nghiệm ở Việt Nam và trên thế giới”/ ISBN: 978-604-958-053-6			251-263	2017
48.	Mối quan hệ giữa việc sử dụng internet và nguy cơ bị bắt nạt trực tuyến ở học sinh	2		Tạp chí Tâm lý học/ISSN 1859-0098			7, 63 – 74	2017
49.	Đào tạo nhân viên công tác xã hội hỗ trợ giáo dục	3	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Phát triển hòa			191-200	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	hòa nhập cho trẻ rối loạn phát triển: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam			nhập xã hội dựa vào cộng đồng: Cơ hội và thách thức"/ISBN: 978-604-73-5599-0.				
50.	Tính gắn kết trường học ở học sinh trung học	4	x	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất "Hạnh phúc con người và phát triển bền vững"/ ISBN 978-604-62-9912-7.			Quyển 2, 430-437	2017
51.	Thực trạng bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất "Hạnh phúc con người và phát triển bền vững"/ ISBN 978-604-62-9912-7			Quyển 2, 355-363	2017
52.	Thực trạng năng lực quản lý hành vi của học sinh ở giáo viên tiểu học	2		Hội thảo Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông			352-362	2017
53.	Xây dựng bài giảng an toàn mạng internet cho học sinh trung học phổ thông	2	x	Tạp chí Giáo dục & Xã hội/ ISSN 1859-3917			Số đặc biệt 11-2017, 38-42	11/2017
54.	Establishment of theoretical and empirical bases for bachelor training program in school counseling for Vietnam	3	x	International conference proceedings: "Solutions for school social work development in Vietnam"/ ISBN:			89-100	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				978-604-65-3187-6.				
55.	Xu hướng tích hợp công nghệ trong các chương trình đào tạo tham vấn học đường trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	3		Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Giải pháp phát triển công tác xã hội trong trường học ở Việt Nam/ISBN: 978-604-65-3187-6.			69-77	2017
56.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và can thiệp rối loạn phổ tự kỷ	2	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học: "Tâm lý học và sự phát triển bền vững con người trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0"/ ISBN: 978-604-73-5736-9			126 - 134	2017
57.	Đặc điểm nhân cách của thanh niên Việt Nam qua thang đo NEO - 60VN	3		Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn/ ISSN 2354-1172			4, 1, 23-33	2018
58.	Cấu trúc IMRAD sử dụng trong các bài báo khoa học giáo dục	3	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Những xu thế mới trong giáo dục"			367-378	2018
59.	Tổng quan một số chương trình giáo dục an toàn mạng internet trên thế giới: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	3	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Giáo dục cho tất cả mọi người"/ ISBN: 978-604-62-6622-8			291-310	2018
60.	Characteristics of Agencies Providing Support Services for Children with Autism Spectrum Disorders in Vietnam	2	x	International Journal of Social Science and Humanity/ISSN: 2010-3646		4	8, 4	2018
61.	Effectiveness of Community-Based Behavioral Intervention for Children with Autism	5	x	HNUE Journal of Science/ISSN 2354-1075			63, 9AB, 178-284	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Spectrum Disorders							
62.	Thực trạng hoạt động của các cơ sở can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/ISSN 2354-1075			63, 9AB, 275-284.	2018
63.	Nhận thức của giáo viên tiểu học về rối loạn tăng động giảm chú ý	2		Tạp chí Tâm lý học/ISSN: 1859-0098			9 (9-2018), 60-75	2018
64.	Bất nạt ở học sinh trong thời đại số	1	x	Tạp chí Tâm lý học/ISSN: 1859-0098			11 (236), 11-2018.	2018
65.	Tổng quan về các dịch vụ trị liệu trong công tác xã hội	1	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "Phát triển dịch vụ trị liệu trong công tác xã hội ở Việt Nam"/ISBN: 978-604-65-3790-8			270-279	2018
66.	Dịch vụ lâm sàng chăm sóc sức khỏe tâm thần và can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại các cơ sở can thiệp một số tỉnh miền Trung	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "Phát triển dịch vụ trị liệu trong công tác xã hội ở Việt Nam"/ISBN: 978-604-65-3790-8.			70 -77	2018
67.	Tổng quan các chương trình can thiệp - phòng ngừa bất nạt trực tuyến cho học sinh trên thế giới: Bằng chứng về hiệu quả và kinh nghiệm cho công tác nghiên cứu và thực hành ở Việt Nam	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "Phát triển dịch vụ trị liệu trong công tác xã hội ở Việt Nam"/ISBN: 978-604-65-3790-8.			178 - 196	2018
68.	Nhu cầu đào tạo nhân viên Tư vấn học đường ở Việt Nam và chương trình đào tạo phù hợp	3	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: "Phát triển dịch vụ trị liệu trong công tác xã hội ở Việt Nam"/ISBN: 978-			158 - 170	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				604-65-3790-8.				
69.	Definition and Characteristics of “Cyberbullying” among Vietnamese Students	5	x	VNU Journal of Science: Education Research/ISSN 0866-8612.		9	34(4) doi:10.25073/2588-1159/vnuer.4212.	2018
70.	Đánh giá công bố khoa học của giảng viên Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019: Tiếp cận phân tích dữ liệu	4		Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, ĐHQGHN/ISSN 0866-8612				2019
71.	The unique relation between cambodian somatic symptom and syndrome inventory (CSSI) items and functional impairment among adolescents in Cambodia	5		Mental Health Literacy in Schools and the Community: Proceedings from the 5th International Conference on Child Mental Health in Vietnam/ ISBN: 978-604-9870-57-6			247-258	2019
72.	Mental health and associated factors among people with mobility disabilities in central provinces of Vietnam	3		Mental Health Literacy in Schools and the Community: Proceedings from the 5th International Conference on Child Mental Health in Vietnam/ ISBN: 978-604-9870-57-6			173-184	2019
73.	Xây dựng video tình huống giáo dục ứng phó với bắt nạt trực tuyến cho học sinh trung học phổ	2	x	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam lần thứ v: Hiểu biết về sức khỏe tâm			329-338	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	thông tại Hà Nội			thần ở trường học và cộng đồng/ ISBN: 978-604-9870-57-6				
74.	Awareness on cyber-bullying among high-school students, teachers, and parents	2	x	Mental Health Literacy in Schools and the Community: Proceedings from the 5th International Conference on Child Mental Health in Vietnam/ ISBN: 978-604-9870-57-6			319-328	2019
75.	Needs of vocational counseling through applications among high school students	2	x	Proceedings of international conference: New issues in educational sciences: Interdisciplinary and cross-disciplinary approaches/ ISBN: 978-604-968-566-8			609-621	2019
76.	Trải nghiệm bị bắt nạt và mối quan hệ của nó với vấn đề hướng nội và vấn đề hướng ngoại ở thanh thiếu niên	4	x	Tạp chí Tâm lý học/ ISSN: 1859-0098			9 (9-2019), 16-28	2019
77.	Hiểu biết về rối loạn phát triển thần kinh của cán bộ can thiệp tại một số bệnh viện nhi	4		Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ hai về giáo dục học sinh rối loạn phát triển/ ISBN: 978-604-88-8645-5			360-371	2019
78.	Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ	3		Tạp chí Giáo dục/ISSN:2354-0753			Số đặc biệt tháng 12/2019, 143-151.	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
79.	Chứng sợ thiếu điện thoại di động và sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên - Tổng quan nghiên cứu	4		Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Tâm lý học - Giáo dục học vì sự phát triển học sinh và nhà trường hạnh phúc"			817-824	2020
80.	Sử dụng Rubric đánh giá luận văn, luận án lĩnh vực khoa học giáo dục: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất	4		Tạp chí Giáo dục/ISSN:2354-0753			Kỳ 1 tháng 4, 22-28	2020
81.	Quy trình đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam	3	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội/ISSN:1859-3917			2/2020, 119-124	2020
82.	Inclusive Education for Students with Autism Spectrum Disorder in Elementary Schools in Vietnam: The Current Situation and Solutions. DOI: 10.26822/iejee.2020358220	4	x	International Electronic Journal Of Elementary Education (Link xếp hạng: https://www.scimag-ojr.com/journalsearch.php?q=19700176214&tip=sid&clean=0)	Scopus (IF: 1.02; Q3)	2	12(3), 265-273	2020
83.	Academic achievement, and cyber-bullying and cyber-victimization among middle- and high-school students in Vietnam. DOI: 10.1080/21683603.2020.1837700	3	x	International Journal of School & Educational Psychology (Link xếp hạng: https://www.scimag-ojr.com/journalsearch.php?q=21100870584&tip=sid&clean=0)	Scopus (IF: 1.46; Q2)			2020
84.	Mối quan hệ giữa quan điểm nuôi dạy con và can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất về khoa học giáo dục: Giáo dục			698-711	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				sớm trong thời đại công nghệ: Những cơ hội và thách thức/ ISBN: 978-604-315-561-7				
85.	Áp dụng mô hình DATA vào việc thiết lập nhóm đào tạo kỹ năng tiên tiến học cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ: Những kết quả nghiên cứu ban đầu	4	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất về khoa học giáo dục: Giáo dục sớm trong thời đại công nghệ: Những cơ hội và thách thức/ ISBN: 978-604-315-561-7			666-684	2020
86.	Đánh giá sự phát triển của trẻ bằng trắc nghiệm BAYLEY 3	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất về khoa học giáo dục: Giáo dục sớm trong thời đại công nghệ: Những cơ hội và thách thức/ ISBN: 978-604-315-561-7			489-502	2020
87.	Vietnam East Asia – Pacific Early child development scales (EAP-ECDS-SF): A validation study	6		Conference proceedings the 1 st international conference on education sciences: Early childhood education in the age of technology: Opportunities and challenges/ISBN: 978-604-315-561-7			31-46	2020
88.	Demonstration of behavioral and emotional problems in children with asd presented by the	2		Conference proceedings the 1st international conference on			651-665	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	DBC-P scale			education sciences: Early childhood education in the age of technology: Opportunities and challenges/ ISBN: 978-604-315-561-7.				
89.	Rối loạn lo âu ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ - đo lường và hướng can thiệp	2		Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Giáo dục phát triển toàn diện thực trạng và giải pháp xét từ bình diện Tâm lý học và Giáo dục học			10/2020, 545	2020
90.	Tổng quan nghiên cứu các vấn đề hành vi và cảm xúc ở trẻ có rối loạn phổ tự kỷ	3		Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam/ ISSN 2615 – 8957			41, 22-27	2021
91.	Noise pollution in schools: Some urgent issues Vietnam	10		The proceeding of the XIV All-Russian Scientific and Practical Conference "National Priorities of Modern Russian Education: Problems and Prospects/ ISBN 978-5-7444-5046-5				2021
92.	Situation of Online Learning of Vietnamese Students in the Context of COVID Epidemic 19	4		International Journal of Science and Research (IJSR), https://www.ijsr.net/search_index_results_paperid.php?id=SR21103192047 .			10, 1, 412 - 417	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 02 bài báo, lần lượt là bài số 82 và số 83.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

.....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS

(ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	Tham gia		Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN	Quyết định số 4245/QĐ-ĐHQGHN, ngày 29/10/2015	
2	Tiến sĩ tâm lý lâm sàng trẻ em và vị thành niên	Tham gia		Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN	Quyết định số 2163/QĐ-ĐHQGHN, ngày 15/06/2015	
3	Cử nhân tham vấn học đường	Tham gia		Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN	Quyết định số 1082/QĐ-ĐHQGHN, ngày 16/04/2019	
4	Thạc sĩ tham vấn học đường	Tham gia		Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN	Quyết định số 155/QĐ-ĐHQGHN, ngày 11/01/2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Trần Văn Công (2020), Bất nạt trực tuyến ở thanh thiếu niên: Thực trạng và giải pháp phòng ngừa – can thiệp, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (Sách chuyên khảo), ISBN: 978-604-9969-65-2.**

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Văn Công